

Số: 223/QĐ-VKS

Nam Định, ngày 20 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của BTC hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 174/QĐ-VKSTC ngày 30/12/2024 của Viện trưởng Viện KSND tối cao về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-VKS ngày 20/01/2025 của Viện trưởng Viện KSND tỉnh Nam Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện KSND tỉnh Nam Định (biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, kế toán trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục 3 VKSNDTC (để báo cáo);
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu :VT, KT.

VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hậu

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC, ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định

Chương: 004

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 223/QĐ-VKS ngày 20/01/2025 của Viện trưởng VKSND tỉnh Nam Định)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.474,1
	Nguồn ngân sách trong nước	8.474,1
1	Chi quản lý hành chính	8.203,7
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.806,0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.397,7
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	270,4
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	270,4